

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG - ÁP DỤNG CHO KHÓA 63

Ban hành kèm theo quyết định số 1273/QĐ-ĐHTL ngày 22 tháng 09 năm 2021 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			33									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác-Lênin	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3		3							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2			2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2				2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2			
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurship	COPS111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			11									
8	Vật lý 1	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3	3								
9	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2	2								
10	Toán cao cấp 1	Advanced Mathematics 1	AM111	Toán học	2	2								
11	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics 2	AM122	Toán học	2		2							
12	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistics	MATH253	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
13	Tiếng Anh 1	English 1	ENGL111	Tiếng Anh	3			3						
14	Tiếng Anh 2	English 2	ENGL122	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			117									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			18									
15	Pháp luật xây dựng	Legal enviroment in Construction	LAWC315	Quản lý xây dựng	2		2							
16	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
17	Đồ họa kỹ thuật 2	Technical Graphics 2	DRAW324	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
18	Cơ học cơ sở 1	Engineering Mechanics 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3			3						
19	Sức bền vật liệu 1	Strength of Materials 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3					
20	Cơ học kết cấu 1	Mechanics of Engineering Structures 1	CE315	Sức bền - Kết cấu	3				3					
21	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
22	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			44									
23	Nhập môn Quản lý xây dựng	Introduction to Construction Management	ICM111	Quản lý xây dựng	2	2								

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn Quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
54	Quản lý tài chính trong xây dựng	Financial management in construction	FMC462	Tài chính	2								2	
55	Tự động hoá trong quản lý xây dựng	Automation in Construction Management	ACOM472	Quản lý xây dựng	2								2	
56	Hợp đồng và đấu thầu xây dựng	Construction Contract and bidding management	CON367	Quản lý xây dựng	2								2	
57	An toàn xây dựng	Safety in Construction	SCON422	Công nghệ và quản lý xây dựng	2								2	
58	Thực tập ngành quản lý xây dựng	Internship of Construction Management	CICM221	Quản lý xây dựng	3								3	
II.4	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			13									
59	Thực tập tốt nghiệp	Internship for Graduation	IGT483	Quản lý xây dựng	3									3
60	Đồ án tốt nghiệp	Graduation Thesis		Quản lý xây dựng	10									10
II.5	Kiến thức tự chọn	Selective Units			10							6	4	
61	Giám sát đánh giá dự án đầu tư xây dựng	Monitoring and Evaluation of Construction Investment Projects	MECIP422	Quản lý xây dựng	2							2		
62	Quản lý nhà nước về kinh tế	State Management in Economy	SMIE412	Quản lý xây dựng	2							2		
63	Định giá sản phẩm, dịch vụ công ích	Public Goods and Services Pricing	CPGE221	Quản lý xây dựng	2							2		
64	Kinh tế thủy lợi	Water Resources Economics	IREC422	Quản lý xây dựng	2							2		
65	Định giá bất động sản	Real Estate Pricing	REP417	Quản lý xây dựng	2							2		
66	Thống kê doanh nghiệp	Business Statistics	BACU208	Quản trị kinh doanh	2								2	
67	Kinh tế máy xây dựng	Economics of Construction Machinery	CECM221	Quản lý xây dựng	2								2	
68	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information Systems	MIS313	Quản lý xây dựng	2								2	
69	Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng	Business analysis in construction enterprises	BACE220	Quản lý xây dựng	2								2	
70	Phát triển kỹ năng quản trị	Developing Management Skills	DMS422	Phát triển kỹ năng	2								2	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I+II)			150	16	15	16	19	17	16	19	19	13